

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 4
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Tại các địa điểm thuộc phạm vi Dự án Mở rộng hệ thống SIEM để kết nối, thu thập dữ liệu giám sát ATTT về hệ thống SIEM phục vụ công tác giám sát ATTT cho các trạm mới và trạm cải tạo
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Nội dung này sẽ được đàm phán trong giai đoạn thương thảo hợp đồng với nhà thầu (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Nội dung này sẽ được đàm phán trong giai đoạn thương thảo hợp đồng với nhà thầu (nếu có).
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. Điều chỉnh thuế: Được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm xuất hóa đơn nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 10	1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán: Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và được chia làm các đợt

như sau:

10.1. Tạm ứng

Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, khi bên A nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của bên B và bảo lãnh tạm ứng bằng với giá trị tạm ứng, bên A ứng trước cho bên B 20% giá trị hợp đồng (trước thuế).

Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.

Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.

Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán

Tùy theo tính chất, tiến độ thực hiện của dự án, nếu thời gian thực hiện dự án kéo dài, nhà thầu có thể đề xuất nội dung liên quan đến thanh toán: Các bên thỏa thuận trong giai đoạn thương thảo về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và điều kiện thanh toán.

Sau khi công tác giám sát hoàn tất, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện. Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ do Bên B cung cấp, Bên A thanh toán cho bên B tới 95% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh toán cho bên B 5% giá trị chờ quyết toán). Hồ sơ thanh toán gồm:

- + Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên B, bên A.

- + Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành.

- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

- + Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán. Nếu phát hành Hóa đơn GTGT điện tử phải được in ra sao y bản chính và gửi cho Chủ đầu tư kiểm tra trên hệ thống mạng của Tổng cục thuế.

	+ Văn bản Đề nghị thanh toán của nhà thầu. + Phiếu giá thanh toán theo quy định Giá trị còn lại của Hợp đồng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B khi công trình được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và hai bên ký Thanh lý hợp đồng. Hồ sơ thanh toán: + Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành + Biên bản thanh lý hợp đồng được 2 bên ký kết. + Phiếu giá thanh toán theo quy định. Hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Quyết định 01/QĐ-EVN ngày 03/01/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và QĐ 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 của EVNNPT . 2. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được thanh lý sau khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Nội dung này sẽ được đàm phán trong giai đoạn thương thảo hợp đồng với nhà thầu (nếu có)
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Phải có giấy phép hành nghề phù hợp, năng lực kinh nghiệm của thầu phụ phải đảm bảo để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. Nhà thầu tư vấn phải thông báo bằng văn bản cho chủ

	đầu tư về tên các nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ (nếu có). Thông báo này không miễn trừ cho nhà thầu tư vấn các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,3% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng (được tính theo giá trị công việc chậm thực hiện). Tổng số tiền phạt không vượt quá 14.388.091 VND (tạm tính theo Giá gói thầu được duyệt, giá trị này được chính xác lại bằng 12% giá Hợp đồng ký kết). Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Tư vấn phải thực hiện dịch vụ bảo đảm đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu do lỗi của Tư vấn mà sản phẩm không đảm bảo được chất lượng theo các cam kết nêu trong hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ chi phí để thực hiện lại sản phẩm. Các hình thức xử lý vi phạm: - Không có báo cáo hoặc báo cáo không chính xác sau 3 lần bị nhắc nhở (bằng văn bản): mỗi lần không có báo cáo/báo cáo không chính xác bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm. - Số lượng cán bộ TVGS không đủ theo số lượng đã đăng ký; hoặc cán bộ TVGS không có mặt hoặc không thường xuyên có mặt tại công trình dẫn đến không đảm bảo chất lượng công tác TVGS: mỗi lần bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm. - Tự ý thay đổi cán bộ TVGS mà không được chủ đầu tư thông qua: mỗi lần bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

	- Thiếu trách nhiệm hoặc thông đồng với nhà thầu trong công tác giám sát, dẫn đến nhà thầu thi công sai thiết kế, sai vật liệu v.v...: mỗi lần bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm.. Ngoài ra cán bộ TVGS có liên quan không được tiếp tục thực hiện công tác TVGS và phải rời khỏi công trường trong vòng 01 giờ sau thời điểm phát hiện. - Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công tác giám sát an toàn, phòng chống cháy nổ để xảy ra tai nạn, sự cố: mỗi lần bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm. - Chậm trễ trong công tác nghiệm thu, giám sát và các công tác khác làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình: mỗi lần bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm.. - Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung về giám sát thi công theo qui định hiện hành: mỗi lần bị nhắc nhở, nhà thầu sẽ bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình. b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. + Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; + Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:_____ - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và

	năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về chuyển nhượng thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc chuyển nhượng thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____ Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán. Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại

	không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 4, Số 413 Đường Song hành Xa lộ Hà Nội, Khu phố 52, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh. Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____